

Số: /2026/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2028/QH14;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định Quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28/11/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 18/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT - BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc đề nghị ban hành dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp...

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ...tháng...năm 2026 và thay thế các Nghị quyết sau: Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Nghị quyết số 376/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên .

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khoáKỳ họp thứthông qua ngày ... tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Báo và Phát thanh Truyền hình Hưng Yên; Trung tâm thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VTVP.

CHỦ TỊCH

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Hưng Yên.

a) Cá nhân hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể được Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” tỉnh Hưng Yên đề nghị xét tặng danh hiệu và được Chủ tịch nước phong tặng Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” (sau đây gọi chung là nghệ nhân).

b) Cá nhân được Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” tỉnh Hưng Yên đề nghị xét tặng danh hiệu và được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” (sau đây gọi chung là nghệ sĩ).

2. Tập thể, cá nhân (nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công) thuộc Nhà hát Chèo Hưng Yên đạt thành tích cao trong các cuộc thi tài năng sân khấu, hội diễn sân khấu, liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp tổ chức.

3. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

a) Vận động viên, huấn luyện viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao; các đội tuyển thể thao tỉnh, đội tuyển thể thao các ngành và xã, phường.

b) Vận động viên, huấn luyện viên thể thao làm nhiệm vụ tại các giải thể thao gồm: Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia từng môn hàng năm; giải vô địch theo nội dung ở một số môn, giải vô địch cúp quốc gia,

giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia, giải vô địch các nhóm tuổi, giải thiếu niên nhi đồng, giải A1, hạng nhất, hạng nhì hằng năm từng môn thể thao; giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia tổ chức; giải thi đấu thể thao quần chúng, giải thể thao cho người khuyết tật cấp quốc gia; giải thi đấu vô địch từng môn thể thao cấp tỉnh; giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao cấp tỉnh tổ chức.

c) Vận động viên, huấn luyện viên tham gia giải thể thao quần chúng cấp quốc gia; vận động viên, huấn luyện viên các đội tuyển của ngành Giáo dục và Đào tạo tham gia tập huấn và thi đấu các giải vô địch và Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc được hưởng chế độ như đội tuyển trẻ cấp tỉnh.

d) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển Bóng chuyền nữ Hưng Yên, gồm: Các huấn luyện viên, vận động viên theo quy định của Luật Bóng chuyền và Điều lệ giải, được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia huấn luyện, tập huấn, thi đấu các giải thi đấu Bóng chuyền nữ Đại hội Thể thao toàn quốc; Giải vô địch Bóng chuyền nữ cấp quốc gia; các giải cúp quốc gia do Liên đoàn Bóng chuyền Việt Nam tổ chức.

- Tổng số huấn luyện viên đội tuyển: 04 huấn luyện viên, trong đó có 01 huấn luyện viên trưởng, 01 huấn luyện viên phó và 02 huấn luyện viên; tổng số vận động viên đội tuyển: 18 vận động viên, trong đó có 07 vận động viên chính thức (bao gồm cả 02 vận động viên libero) và 11 vận động viên dự bị.

- Huấn luyện viên, vận động viên là người nước ngoài, tỉnh ngoài có chuyên môn phù hợp được Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Hưng Yên hợp đồng có thời hạn, tham gia tập luyện, huấn luyện và thi đấu cho đội tuyển Bóng chuyền nữ Hưng Yên.

- Số lượng huấn luyện viên người nước ngoài, tỉnh ngoài: 01 huấn luyện viên; số lượng vận động viên người nước ngoài, tỉnh ngoài: Không quá 02 vận động viên (số lượng huấn luyện viên, vận động viên người tỉnh ngoài, người nước ngoài nằm trong tổng số huấn luyện viên, vận động viên của đội tuyển quy định tại khoản này).

đ) Thành viên Ban chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng và giải thể thao các cấp.

e) Trọng tài, giám sát, thư ký điều hành các trận đấu; công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan tại các điểm tổ chức thi đấu.

g) Huấn luyện viên, vận động viên thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh được triệu tập vào đội tuyển thể thao quốc gia làm nhiệm vụ tập huấn, thi đấu các giải thể thao quốc tế.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

Khuyến khích đơn vị quản lý, sử dụng nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công, huấn luyện viên, vận động viên khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ

sung các chế độ cho nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công, huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC NGHỆ SĨ VÀ NGHỆ NHÂN CÓ NHIỀU CÔNG HIẾN TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 4. Chế độ, chính sách đối với nghệ nhân

Được thưởng thêm (ngoài mức thưởng theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng) bằng với mức thưởng theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của [Luật Thi đua, khen thưởng](#) đối với cá nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

Điều 5. Chế độ, chính sách đối với nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công

1. Được thưởng thêm (ngoài mức thưởng theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng) bằng với mức thưởng theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của [Luật Thi đua, khen thưởng](#) đối với cá nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

2. Thưởng cho tập thể, cá nhân (nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công) thuộc Nhà hát Chèo Hưng Yên đạt thành tích cao trong các cuộc thi tài năng sân khấu, hội diễn sân khấu, liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp tổ chức, mức thưởng như sau:

a) Mức tiền thưởng cho cá nhân:

- Huy chương Vàng (giải Nhất): 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).
- Huy chương Bạc (giải Nhì): 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).
- Huy chương Đồng (giải Ba): 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

b) Mức tiền thưởng cho tập thể:

- Chương trình hoặc vở diễn đạt Huy chương Vàng (giải Nhất): 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Chương trình hoặc vở diễn đạt Huy chương Bạc (giải Nhì): 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).
- Chương trình hoặc vở diễn đạt Huy chương Đồng (giải Ba): 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

c) Nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công là viên chức Nhà hát Chèo Hưng Yên đạt thành tích xuất sắc; được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, đã đạt huy chương Đồng (giải Ba) trở lên trong các cuộc thi tài năng sân khấu, hội diễn, liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp tổ chức và có nguyện vọng thì được cơ quan thẩm quyền ưu tiên xem xét, điều động đến các cơ sở giáo dục công lập nếu đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trong phạm vi số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

Mục 2

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO

Điều 6. Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

1. Mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên và các thành viên đội thể thao thành tích cao của tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu các giải thể thao toàn quốc khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập huấn, thi đấu thực hiện theo quy định tại Điểm c, d, đ Khoản 1, Điểm b, c, d Khoản 3, Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

2. Trong thời gian tập trung tập huấn ở nước ngoài được hưởng chế độ dinh dưỡng hằng ngày theo thư mời hoặc hợp đồng ký kết giữa cơ quan quản lý vận động viên ở trong nước với cơ sở đào tạo nước ngoài. Trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu ngắn hạn tại nước ngoài thành viên đội thể thao được áp dụng hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật về công tác ngắn hạn ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức. Không được hưởng chế độ dinh dưỡng quy định tại khoản 1, Điều này.

Điều 7. Chế độ tiền lương trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu

1. Đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh hưởng lương từ ngân sách:

a) Được hưởng nguyên tiền lương đang được hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên chi trả.

b) Được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp mức tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng thấp hơn so với mức tiền lương quy định tại Khoản 2 khoản này.

Mức tiền lương bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập huấn, thi đấu chia cho 26 ngày.

2. Đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

Chế độ tiền lương trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên và các thành viên đội thể thao của tỉnh được hưởng

mức chi cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Vận động viên	Huấn luyện viên
1	Đội tuyển tỉnh	250.000	250.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	150.000	150.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	80.000	80.000

Điều 8. Chế độ đặc thù đối với vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ

Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển tỉnh; đội tuyển trẻ tỉnh; đội tuyển năng khiếu tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ 300.000 đồng/người/tháng.

Điều 9. Chế độ chăm sóc sức khỏe; bảo đảm học tập văn hóa, chính trị; ưu đãi học nghề; chữa trị chấn thương; bảo hiểm.

Đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển thể thao của tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 10. Chế độ đãi ngộ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên tập huấn, tham dự thi đấu và lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế

1. Chế độ ưu đãi dành cho vận động viên đạt huy chương vô địch quốc gia:

Vận động viên đạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng ở các giải vô địch quốc gia từng môn được hưởng mức trợ cấp, ưu đãi hàng tháng theo mức mức lương cơ sở hiện hành, với thời gian hưởng là 12 tháng, cụ thể:

- a) Vận động viên giành Huy chương Vàng: Được hưởng bằng 02 lần mức lương cơ sở.
- b) Vận động viên giành Huy chương Bạc: Được hưởng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở.
- c) Vận động viên giành Huy chương Đồng: Được hưởng bằng 01 lần mức lương cơ sở.

2. Vận động viên đạt huy chương vàng Đại hội thể thao toàn quốc; phá kỷ lục quốc gia; huy chương vàng Giải vô địch thế giới từng môn; huy chương vàng, bạc Đại hội thể thao Đông Nam Á (Seagame); Huy chương Đại hội thể thao Châu Á (Asiad), Đại hội thể thao thế giới Olympic: hỗ trợ 3,0 lần mức lương cơ sở/tháng trong 12 tháng kể từ khi có quyết định hoặc giấy chứng nhận thành tích.

3. Chế độ thưởng bằng tiền đối với đội bóng đá nhi đồng tham dự thi đấu vòng chung kết toàn quốc, đội bóng chuyên nữ đội mạnh của tỉnh tham dự thi

đấu vòng chung kết toàn quốc:

a) Thưởng cho mỗi trận thắng ở vòng bảng của vòng Chung kết: 50.000.000 đồng/trận.

b) Thưởng cho trận thắng vòng Tứ kết: 100.000.000 đồng/trận.

c) Thưởng cho trận thắng vòng Bán kết: 150.000.000 đồng/trận.

d) Thưởng khi giành giải Vô địch, đoạt cúp là 300.000.000 đồng.

4. Thưởng cho vận động viên của tỉnh giành huy chương tại các giải thi đấu quốc tế (Thế giới, Châu Á, Đông Nam Á), ngoài các chế độ thưởng của Trung ương, được tỉnh thưởng thêm bằng 30% mức thưởng của Trung ương.

5. Chế độ trang phục đối với huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển thể thao tỉnh luyện tập hằng năm được trang bị, trang phục như sau:

a) Quần áo dài thể thao: 02 bộ/người/năm (không vượt quá 350.000 đồng/bộ).

b) Quần áo cộc thể thao: 02 bộ/người/năm (không vượt quá 300.000 đồng/bộ).

c) Quần áo Souvec thể thao: 01 bộ/người/năm (không vượt quá 950.000 đồng/bộ).

d) Giày thể thao: 01 đôi/người/năm (không vượt quá 750.000 đồng/đôi).

đ) Bít tất thể thao: 02 đôi/người/năm (không vượt quá 20.000 đồng/đôi).

Điều 11. Chế độ, chính sách hỗ trợ thêm bằng tiền hằng tháng đối với các huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển Bóng chuyền nữ đội mạnh tỉnh Hưng Yên; thu hút, chuyển nhượng, thuê vận động viên người nước ngoài, tỉnh ngoài tập huấn, thi đấu cho đội tuyển bóng chuyền nữ tỉnh Hưng Yên

Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển Bóng chuyền nữ Hưng Yên ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương, của tỉnh còn được hỗ trợ thêm bằng tiền hằng tháng (bồi dưỡng tập luyện và thi đấu), cụ thể

1. Đối với huấn luyện viên:

a) Huấn luyện viên trưởng, mức hỗ trợ: 15.000.000 đồng/người/tháng.

b) Huấn luyện viên phó, mức hỗ trợ: 9.000.000 đồng/người/tháng.

c) Huấn luyện viên, mức hỗ trợ: 7.000.000 đồng/người/tháng.

d) Huấn luyện viên là người tỉnh ngoài, nước ngoài, mức hỗ trợ: 25.000.000 đồng/người/tháng.

2. Đối với vận động viên:

a) Vận động viên chính thức, mức hỗ trợ: 9.000.000 đồng/người/tháng.

b) Vận động viên dự bị, mức hỗ trợ: 6.000.000 đồng/người/tháng.

c) Vận động viên là người nước ngoài, tỉnh ngoài, mức hỗ trợ: 20.000.000 đồng/người/tháng.

Điều 12. Mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh được triệu tập vào đội tuyển thể thao quốc gia tập huấn, thi đấu quốc tế.

Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển cấp tỉnh, đội tuyển trẻ cấp tỉnh thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Hưng Yên trong thời gian được triệu tập vào đội tuyển thể thao quốc gia làm nhiệm vụ tập huấn, thi đấu các giải thể thao quốc tế ngoài việc được hưởng chế độ do cơ quan Trung ương chi trả còn được tỉnh hỗ trợ thêm bằng với mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng quy định tại khoản 1, Điều 6, Nghị quyết này.

Điều 13. Chế độ, chính sách hỗ trợ đối với vận động viên khi thôi không làm vận động viên

Vận động viên được triệu tập tập trung tập huấn các đội tuyển thể thao của tỉnh thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Hưng Yên quản lý, sử dụng đã hoàn thành nhiệm vụ được cơ quan quản lý vận động viên quyết định cho thôi không làm vận động viên. Nếu vận động viên không có nguyện vọng hưởng ưu đãi quy định tại Điều 9 Nghị quyết này, thì được hưởng chính sách ưu đãi hỗ trợ kinh phí một lần để tiếp tục học tập, ổn định cuộc sống, như sau:

1. Đối với vận động viên đạt thành tích quốc gia trở lên

a) Đối với vận động viên đã đạt thành tích từ huy chương Đồng giải vô địch quốc gia trở lên (kể cả nội dung cá nhân, đồng đội, tập thể), có thâm niên cống hiến từ đủ 04 (bốn) năm trở lên, mỗi tháng tham gia làm vận động viên tập huấn, thi đấu cho các đội tuyển thể thao của tỉnh được hưởng mức tiền hỗ trợ bằng 1.500.000 đồng.

b) Đối với vận động viên đã đạt thành tích từ huy chương Đồng giải cúp quốc gia, vô địch các CLB, vô địch Trẻ, vô địch các nhóm tuổi, thiếu niên, nhi đồng quốc gia... (kể cả nội dung cá nhân, đồng đội, tập thể), có thâm niên cống hiến từ đủ 04 (bốn) năm trở lên, mỗi tháng tham gia làm vận động viên tập huấn, thi đấu cho các đội tuyển thể thao của tỉnh được hưởng mức tiền hỗ trợ bằng 750.000 đồng.

2. Đối với vận động viên không đạt thành tích quốc gia

a) Đối với vận động viên có thâm niên cống hiến từ đủ 04 (bốn) năm mỗi tháng tham gia làm vận động viên tập huấn, thi đấu cho đội tuyển thể thao của tỉnh được hưởng mức tiền hỗ trợ bằng 300.000 đồng.

b) Đối với vận động viên có thời gian làm vận động viên tập huấn, thi đấu từ đủ 02 (hai) năm đến dưới 04 (bốn) năm, được hưởng mức tiền hỗ trợ một lần bằng 3.000.000 đồng.

c) Đối với vận động viên có thành tích, có thâm niên cống hiến dưới 04 (bốn) năm mỗi tháng tham gia làm vận động viên tập huấn, thi đấu cho đội

tuyển thể thao của tỉnh được hưởng mức tiền hỗ trợ bằng 300.000 đồng.

3. Cách tính mức tiền hỗ trợ đối với vận động viên quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này như sau: Mức tiền hỗ trợ bằng số tháng thực tế tập huấn, thi đấu nhân với mức tiền hỗ trợ tương ứng.

4. Vận động viên là viên chức thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Hưng Yên đã đạt thành tích từ huy chương Đồng giải vô địch quốc gia trở lên (kể cả nội dung cá nhân, đồng đội, tập thể) và có nguyện vọng thì được cơ quan thẩm quyền ưu tiên xem xét, điều động đến các cơ sở giáo dục công lập nếu đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trong phạm vi số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 14. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên lập thành tích tại Đại hội Thể thao toàn quốc, các giải thi đấu thể thao quốc gia

1. Vận động viên lập thành tích tại Đại hội Thể thao toàn quốc (theo chu kỳ 4 năm tổ chức một lần).

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Đại hội thể thao toàn quốc	đồng/huy chương	50.000.000	30.000.000	20.000.000

2. Vận động viên lập thành tích tại giải Vô địch quốc gia từng môn.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Giải vô địch quốc gia	đồng/huy chương	15.000.000	10.000.000	8.000.000

3. Vận động viên lập thành tích tại các giải vô địch cúp quốc gia, giải vô địch trẻ quốc gia, giải vô địch các nội dung khác ở từng môn: mức thưởng bằng 50% mức thưởng của giải vô địch quốc gia ở môn tương ứng.

4. Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch trẻ có quy định lứa tuổi được hưởng mức thưởng, cụ thể như sau:

a) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 2 điều này.

b) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 2 điều này.

c) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 2 điều này.

d) Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi:

mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 2 điều này.

Cụ thể:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương đồng
1	Giải dành cho VĐV dưới 12 tuổi	đồng/huy chương	3.000.000	2.000.000	1.600.000
2	Giải dành cho VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi	đồng/huy chương	4.500.000	3.000.000	2.400.000
3	Giải dành cho VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi	đồng/huy chương	6.000.000	4.000.000	3.200.000
4	Giải dành cho VĐV từ 18 đến dưới 21 tuổi	đồng/huy chương	7.500.000	5.000.000	4.000.000

5. Vận động viên thi đấu phá kỷ lục quốc gia, ngoài tiền thưởng tương ứng quy định còn được thưởng bằng tiền là 15.000.000 đồng/01 lần phá kỷ lục.

6. Vận động viên lập thành tích thi đấu ở các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội, tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

7. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

8. Vận động viên đạt được nhiều huy chương trong một giải thi đấu thì được thưởng tất cả các huy chương đã đạt được với mức thưởng tương ứng của từng nội dung.

9. Vận động viên lập thành tích tại các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng cho vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia.

Điều 15. Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên đào tạo vận động viên lập thành tích tại Đại hội Thể thao, các giải thi đấu thể thao quốc gia

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại Đại hội Thể thao toàn quốc, các giải thể thao quốc gia có môn thi, nội dung thi đấu cá nhân, thi đấu tập thể được hưởng mức tiền thưởng như sau:

a) Đối với môn thi đấu cá nhân: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có môn thi, nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận

động viên.

b) Đối với môn thi đấu có nội dung đồng đội, tập thể: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện, thi đấu lập thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên cụ thể như sau: Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các Điểm a, b Khoản 1, Điều này.

d) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60% tiền thưởng, trong đó huấn luyện viên trực tiếp chỉ đạo được hưởng 30%, huấn luyện viên còn lại được hưởng 30%; huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

đ) Huấn luyện viên có nhiều vận động viên đoạt được huy chương trong cùng một giải thi đấu sẽ được thưởng tất cả các huy chương đã đoạt được với mức tương ứng ở từng nội dung.

2. Huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng cho huấn luyện viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia.

Mục 3

QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ CHI TIÊU TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC GIẢI THỂ THAO TỈNH HƯNG YÊN

Điều 16: Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

1. Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, giải thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh.

a) Tiền ăn của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải trong quá trình tổ chức giải (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu): 300.000 đồng/người/ngày.

b) Tiền làm nhiệm vụ

TT	Đối tượng hưởng	Đơn vị tính	Mức chi
----	-----------------	-------------	---------

1	Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	đồng/người/ngày	190.000
2	Thành viên tiểu ban chuyên môn	đồng/người/ngày	160.000
3	Giám sát, trọng tài chính	đồng/người/buổi	175.000
4	Thư ký, trọng tài khác	đồng/người/buổi	135.000
5	Công an, y tế; lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ	đồng/người/buổi	80.000
6	Giải bóng đá nam, nữ: - Trọng tài chính - Trợ lý trọng tài, giám sát - Điều phối viên	đồng/người/buổi	320.000 200.000 160.000

- Trường hợp tiền làm nhiệm vụ được tính theo buổi thi đấu hoặc trận thi đấu thì mức thanh toán được tính theo thực tế nhưng không quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày.

- Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao của tỉnh thì không được thanh toán phụ cấp tiền lưu trú công tác phí theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao.

c) Tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đồng cấp tỉnh

- Mức chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Căn cứ theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đồng cấp tỉnh với các cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật.

- Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ

TT	Đối tượng hưởng	Đơn vị tính	Mức chi
1	Người tham gia tập luyện	đồng/người/buổi	65.000
2	Người tham gia tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	đồng/người/buổi	95.000
3	Người tham gia biểu diễn chính thức	đồng/người/buổi	155.000
4	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	đồng/người/buổi	135.000

d) Chi dịch thuật: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 4, Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính.

2. Các khoản chi khác: Thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 4, Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính.

Điều 17. Chế độ tiền thưởng cho vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao cấp tỉnh

1. Giải cá nhân, tập thể
 - a) Giải cá nhân vô địch các môn:
 - Huy chương Vàng (Giải Nhất): 2.000.000 đồng
 - Huy chương Bạc (Giải Nhì): 1.000.000 đồng
 - Huy chương đồng (Giải Ba): 800.000 đồng
 - b) Giải vô địch nhóm tuổi các môn bằng 50 % mức thưởng đối với giải vô địch các môn.
 - c) Giải đồng đội: Mức thưởng chung bằng số VĐV theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của giải cá nhân, nhân với 50%.
 - d) Các môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng số VĐV theo quy định của Điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của giải cá nhân.
2. Giải toàn đoàn: Bằng 2 lần mức giải thưởng giải cá nhân.

Điều 18. Đại hội Thể dục thể thao, giải thể thao và chi tiêu tài chính các giải thể thao do cấp ngành và cấp xã, phường tổ chức

Mức chi đối với đại hội thể dục thể thao, giải thể thao do cấp ngành và cấp xã, phường tổ chức do cơ quan, địa phương phê duyệt phù hợp với khả năng cân đối và tình hình thực tế của cơ quan, địa phương nhưng không vượt quá 75% chế độ quy định của cấp tỉnh.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Quy định này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung.
2. Các nội dung liên quan đến chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định hiện hành./.